

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	13 - 34

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 27/01/2014 và kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Ngày 17/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và sau đó đăng ký thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 4	4100258987	12/02/2014
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 5	4100258987	05/03/2014
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 6	4100258987	21/08/2014

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 6 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp...

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại : (84-56) 3947066 - 3947098 - 3947088

Fax : (84-56) 3947029

Email : pisico@dng.vn.vn

Website : www.pisico.com.vn

Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:

- ▶ **Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico**
Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- ▶ **Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico**
Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- ▶ **Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico**
Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- ▶ **Chi nhánh Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần**
Địa chỉ: 104 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 27/01/2014 kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 34).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Đức Huyện	Chủ tịch	26/01/2014	
Ông Nguyễn Tấn Bình	Thành viên	26/01/2014	
Ông Lê Trung Hậu	Thành viên	26/01/2014	
Ông Phùng Văn Nguyên	Thành viên	26/01/2014	
Bà Đồng Thị Ánh	Thành viên	26/01/2014	
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Trọng Phước	Trưởng ban	26/01/2014	
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên	26/01/2014	
Bà Nguyễn Thị Như Ý	Thành viên	26/01/2014	
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Nguyễn Tấn Bình	Tổng Giám đốc	26/01/2014	
Ông Phùng Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	27/01/2014	
Ông Phan Hữu Ban	Phó Tổng Giám đốc	17/03/2014	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	20/02/2014	
Ông Thái Minh Trung	Kế toán trưởng	20/02/2014	

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 27/01/2014 kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is circular and red, containing the text: "M.S.D.N. 0025888", "TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN", and "TP QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH". A handwritten signature "mb" is written over the stamp.

Nguyễn Tấn Bình
Tổng Giám đốc
Bình Định, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Số : 008 /2015/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 27 tháng 01 năm 2014 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 27 tháng 01 năm 2014 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Lam - Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0701-2013-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thịnh - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2013-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110,864,931,538	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	27,423,830,065	-
1. Tiền	111		6,923,830,065	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,500,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,100,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	IV. 2	1,100,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35,630,017,504	-
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 3	24,842,550,241	-
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 4	1,764,067,200	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 5	9,286,483,704	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(263,083,641)	-
IV. Hàng tồn kho	140	IV. 6	40,326,343,785	-
1. Hàng tồn kho	141		40,326,343,785	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,384,740,184	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		83,402,738	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	IV. 7	5,340,271,375	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV. 8	902,127,279	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 9	58,938,792	-

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		250,071,370,755	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,922,280,660	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	IV. 10	3,922,280,660	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		55,992,156,080	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 11	35,680,865,791	-
<i>Nguyên giá</i>	222		72,499,454,332	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36,818,588,541)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 12	19,680,163,280	-
<i>Nguyên giá</i>	228		20,225,084,480	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(544,921,200)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 13	631,127,009	-
III. Bất động sản đầu tư	240	IV. 14	32,985,086,810	-
<i>Nguyên giá</i>	241		45,408,146,645	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(12,423,059,835)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		156,501,808,598	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	IV. 15	19,094,524,664	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV. 16	125,722,163,938	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 17	11,685,119,996	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		670,038,607	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 18	670,038,607	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		360,936,302,293	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		67,666,530,717	-
I. Nợ ngắn hạn	310		63,632,361,647	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 19	29,685,332,095	-
2. Phải trả người bán	312	IV. 20	13,319,850,024	-
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 21	3,494,637,968	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 22	56,484,040	-
5. Phải trả người lao động	315		11,539,253,482	-
6. Chi phí phải trả	316	IV. 23	814,389,210	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 24	4,450,412,586	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 25	272,002,242	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,034,169,070	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	IV. 26	4,034,169,070	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293,269,771,576	-
I. Vốn chủ sở hữu	410		293,269,771,576	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 27	275,000,000,000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 27	18,269,771,576	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		360,936,302,293	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		5,623,669,639	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		196,616.36	-
Euro (EUR)		299.29	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Định, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Hoàng Hải
Người lập

Thái Minh Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	265,693,314,635	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	265,693,314,635	-
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	241,398,237,000	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,295,077,635	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		16,125,467,670	-
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	75,103,911	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		288,475,302	-
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	8,344,770,432	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	12,416,252,618	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,584,418,344	-
11. Thu nhập khác	31	V. 7	22,728,194	-
12. Chi phí khác	32	V. 8	22,616,287	-
13. Lợi nhuận khác	40		111,907	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19,584,530,251	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	1,353,284,762	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18,231,245,489	-

Quy Nhơn, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Hoàng Hải
Người lập

Thái Minh Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

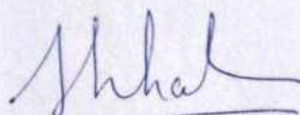
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19,584,530,251	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI. 1	7,440,164,787	-
- Các khoản dự phòng	03	VI. 2	(575,594,317)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI. 3	24,624,069	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI. 4	(15,441,009,942)	-
- Chi phí lãi vay	06		288,475,302	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11,321,190,150	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5,706,343,549)	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19,007,098)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8,256,331,014	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		952,161,739	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI. 5	(282,657,704)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,892,213,569)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	VI. 6	33,751,479	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	VI. 7	(58,463,049,802)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46,799,837,340)	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,117,298,637)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VI. 8	(8,100,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VI. 9	18,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	VI. 10	(4,220,966,666)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI. 11	13,449,513,431	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18,011,248,128	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 19	60,471,761,539	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 19	(46,153,421,085)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14,318,340,454	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14,470,248,758)	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60			-
Tiền nhận bàn giao khi chuyển sang Công ty cổ phần			41,888,521,578	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5,557,245	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	27,423,830,065	-

Bình Định, ngày 09 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Hoàng Hải
Người lập



Thái Minh Trung
Kế toán trưởng





Nguyễn Tấn Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu vào ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Ngày 17/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và sau đó đăng ký thay đổi như sau:

<u>Thay đổi đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 4	4100258987	12/02/2014
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 5	4100258987	05/03/2014
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 6	4100258987	21/08/2014

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 6 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp...

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 520 người.

2. Công ty con

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C
- Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình cáp Quy Nhơn

Thông tin về các công ty con được trình bày tại thuyết minh IV.15.

3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Đức Huyện	Chủ tịch	26/01/2014	
Ông Nguyễn Tấn Bình	Thành viên	26/01/2014	
Ông Lê Trung Hậu	Thành viên	26/01/2014	
Ông Phùng Văn Nguyên	Thành viên	26/01/2014	
Bà Đồng Thị Ánh	Thành viên	26/01/2014	

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Tổng Giám đốc bảo đảm đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014..

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là chứng từ ghi sổ.

3. Năm tài chính

Năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 27/01/2014 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các năm tài chính tiếp theo của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25 năm
- Máy móc và thiết bị	03-12 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04-10 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	48 năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản của Tổng Công ty là các công trình hạ tầng khu công nghiệp. Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 15 đến 20 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

13. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

14. Đầu tư dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

15. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

17. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

18. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Tổng Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và ứng vốn, các công cụ tài chính chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, các khoản vay và nợ, nợ phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp nếu và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Tổng Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	150,236,781	-
Tiền gửi ngân hàng	6,773,593,284	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng)	20,500,000,000	-
Cộng	<u>27,423,830,065</u>	<u>-</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	1,100,000,000	-
Cộng	<u>1,100,000,000</u>	<u>-</u>

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
3. Phải thu của khách hàng		
Phải thu các khách hàng nước ngoài	18,254,229,248	-
Phải thu các khách hàng trong nước	6,588,320,993	-
Cộng	24,842,550,241	-
4. Trả trước cho người bán		
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa để phục vụ cho hoạt động kinh doanh	1,537,067,200	-
Trả trước cho các cung cấp và nhà thầu về mua sắm và đầu tư tài sản cố định	227,000,000	-
Cộng	1,764,067,200	-
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định (ứng vốn)	2,000,000,000	-
Công ty CP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	1,972,480,000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4,853,992,000	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	46,444,444	-
Trợ cấp bảo hiểm xã hội	406,862,560	-
Các khoản khác	6,704,700	-
Cộng	9,286,483,704	-
6. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	16,472,443,108	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20,478,162,793	-
Thành phẩm tồn kho	2,567,721,495	-
Hàng hóa tồn kho	808,016,389	-
Cộng	40,326,343,785	-
7. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		
Thuế GTGT được khấu trừ và hoàn lại tại Bình Định	5,275,466,475	-
Thuế GTGT được khấu trừ tại Thành phố Hồ Chí Minh	64,804,900	-
Cộng	5,340,271,375	-
8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	902,127,279	-
Cộng	902,127,279	-
9. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	58,938,792	-
Cộng	58,938,792	-

10. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lại của nhà nước tiền hỗ trợ bồi thường về đất Cụm công nghiệp Cát Nhơn	3,879,460,660	-
Phải thu lại của nhà nước tiền tạm ứng bồi thường thu hồi đất khu cải tạo Cụm công nghiệp Cát Nhơn	42,820,000	-
Cộng	3,922,280,660	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Nhận bàn giao khi chuyển sang công ty cổ phần	44,613,031,494	18,186,877,082	7,355,148,664	730,015,751	893,446,341	71,778,519,332
Đầu tư hoàn thành	-	720,935,000	-	-	-	720,935,000
Số cuối năm	44,613,031,494	18,907,812,082	7,355,148,664	730,015,751	893,446,341	72,499,454,332
Hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Nhận bàn giao khi chuyển sang công ty cổ phần	17,185,426,484	10,426,255,936	4,239,324,700	206,653,738	238,266,531	32,295,927,389
Trích khấu hao	2,237,463,575	1,448,540,707	635,582,395	93,106,092	107,968,383	4,522,661,152
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	19,422,890,059	11,874,796,643	4,874,907,095	299,759,830	346,234,914	36,818,588,541
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	25,190,141,435	7,033,015,439	2,480,241,569	430,255,921	547,211,427	35,680,865,791

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Nhận bàn giao khi chuyển sang công ty cổ phần	6,617,820,480	13,607,264,000	20,225,084,480
Số cuối năm	6,617,820,480	13,607,264,000	20,225,084,480
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	-	-
Nhận bàn giao khi chuyển sang công ty cổ phần	-	258,571,601	258,571,601
Trích khấu hao	-	286,349,599	286,349,599
Số cuối năm	-	544,921,200	544,921,200
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	6,617,820,480	13,062,342,800	19,680,163,280

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại Trụ sở văn phòng Văn phòng Tổng Công ty (số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định). Thời hạn sử dụng đất là 50 năm, kể từ ngày 28/04/2007 đến ngày 27/04/2057.
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại Trụ sở văn phòng Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (số 104 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	631,127,009	-
Cộng	631,127,009	-

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn</u>	<u>Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Nhận bàn giao khi chuyển sang công ty cổ phần	29,192,741,975	16,215,404,670	45,408,146,645
Phát sinh giảm	-	-	-
Số cuối năm	29,192,741,975	16,215,404,670	45,408,146,645
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	-	-
Nhận bàn giao khi chuyển sang công ty cổ phần	7,836,238,997	1,955,666,802	9,791,905,799
Trích khấu hao	1,801,280,807	829,873,229	2,631,154,036
Số cuối năm	9,637,519,804	2,785,540,031	12,423,059,835
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	19,555,222,171	13,429,864,639	32,985,086,810

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty không có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư. Tuy nhiên, với hiểu biết của mình về thị trường bất động sản, Ban Tổng Giám đốc tin rằng, tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư của Tổng Công ty không thấp hơn giá trị ghi sổ.

15. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng cổ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng cổ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển hạ tầng P.B.C	106,250	13,625,000,000		-
Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình cáp Quy Nhơn		5,469,524,664		-
Cộng		19,094,524,664		-

Thông tin chính về các công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đầu tư kinh doanh cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản.	15,000,000,000	70.83
Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình cáp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp	10,000,000,000	100.00

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	7,500,000	95,011,633,155	-	-
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn		11,101,830,626	-	-
Công ty CP Chế biến gỗ Pisico Đồng An	550,528	5,812,449,600	-	-
Công ty CP Chế biến gỗ Nội thất Pisico	600,200	7,796,250,557	-	-
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	600,000	6,000,000,000	-	-
Cộng		125,722,163,938		

Thông tin chính về các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	Số 99 Tây Sơn, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Trồng cây cao su	150,000,000,000	50.00
Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Chế biến dăm gỗ, sản xuất nguyên liệu giấy	9,500,000,000	45.00
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	Chế biến, kinh doanh các sản phẩm gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác	17,600,000,000	31.28
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Chế biến, kinh doanh các sản phẩm gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác	15,000,000,000	40.01
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Cụm công nghiệp Canh Vinh, huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định	Chế biến dăm gỗ, sản xuất nguyên liệu giấy	15,000,000,000	40.00

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị
Cổ phần của Công ty Cổ phần Chế biến Tinh bột sản xuất khẩu Bình Định	280,660	2,888,169,130	-	-
Cổ phần của Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22,750	3,776,950,866	-	-
Cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quy Nhơn	50,000	5,000,000,000	-	-
Cổ phần của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	2,000	20,000,000	-	-
Cộng		11,685,119,996		

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	577,559,510	-
Chi phí khác	92,479,097	-
Cộng	670,038,607	

19. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Nhận bàn giao khi chuyển sang Công ty CP	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Đánh giá lại	Số cuối năm
VCB Quy Nhơn (a)	2,000,000,000	40,529,861,539	12,950,021,085	105,491,641	29,685,332,095
Vay Việt Nam Đồng	2,000,000,000	14,445,287,365	11,799,821,085	-	4,645,466,280
Vay Đô - la Mỹ	-	26,084,574,174	1,150,200,000	105,491,641	25,039,865,815
BIDV Bình Định (b)	13,261,500,000	19,941,900,000	33,203,400,000	-	-
Vay Đô - la Mỹ	13,261,500,000	19,941,900,000	33,203,400,000	-	-
Cộng	15,261,500,000	60,471,761,539	46,153,421,085	105,491,641	29,685,332,095

Thông tin về các khoản vay ngắn hạn như sau:

- (a) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn (VCB Quy Nhơn) với hạn mức 9 tỷ đồng và 1.500.000 USD để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (b) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (BIDV Bình Định) với hạn mức tương đương 60 tỷ để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

20. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty	13,319,850,024	-
Cộng	13,319,850,024	

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng nước ngoài trả trước tiền mua sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty	3,494,637,968	-
Cộng	3,494,637,968	-

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập các nhân	56,484,040	-
Cộng	56,484,040	-

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty như sau:

- Gỗ tròn rừng trồng và cây con giống	Không chịu thuế
- Trồng rừng và chăm sóc rừng	5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.19 và thuyết minh V.9.

Các loại thuế và khoản phải nộp khác

Tổng Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Tổng Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	18,384,265	-
Chi phí hoa hồng môi giới	431,619,289	-
Các chi phí khác phục vụ cho sản phẩm và dịch vụ đã tiêu thụ	364,385,656	-
Cộng	814,389,210	-

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền bảo hành các hạng mục xây dựng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn	96,905,000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Bình Định	750,000,000	-
Trợ cấp bảo hiểm xã hội của nhân viên	380,224,530	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	268,733,610	-
Kinh phí công đoàn	467,704,316	-
Công đoàn Tổng Công ty	1,154,794,635	-
Các khoản khác	1,332,050,495	-
Cộng	4,450,412,586	-

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Nhận bán giao khi chuyển sang công ty cổ phần	6,120,707,554	-
Thu quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,360,000	-
Chi trong năm	(5,859,065,312)	-
Số cuối năm	272,002,242	-

26. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp và cho thuê tài sản.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Nhận bán giao khi chuyển sang công ty cổ phần	4,044,838,117	-
Số tiền cho thuê nhận trước của khách hàng trong năm	4,593,488,370	-
Kết chuyển doanh thu thực hiện trong năm	(4,604,157,417)	-
Số cuối năm	4,034,169,070	-

27. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	-	-	-
Số đầu năm	-	-	-
Nhận bán giao khi chuyển sang công ty cổ phần	275,000,000,000	38,526,087	275,038,526,087
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	18,231,245,489	18,231,245,489
Số cuối năm	275,000,000,000	18,269,771,576	293,269,771,576

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	238,770,000,000	86.82	-	-
Các cổ đông khác	36,230,000,000	13.18	-	-
Cộng	275,000,000,000	100.00	-	-

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,500,000	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,500,000	-
- Cổ phiếu phổ thông	27,500,000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,500,000	-
- Cổ phiếu phổ thông	27,500,000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	260,762,412,777	-
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	4,930,901,858	-
Cộng	265,693,314,635	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	238,103,282,409	-
Giá vốn hoạt động cho thuê và dịch hạ tầng khu công nghiệp	3,294,954,591	-
Cộng	241,398,237,000	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	12,682,392,000	-
Lãi tiền gửi, cho vay	2,758,617,942	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	684,457,728	-
Cộng	16,125,467,670	-

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng	288,475,302	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	362,222,926	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(575,594,317)	-
Cộng	75,103,911	-

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	4,938,753,348	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,377,805,930	-
Chi phí khác	2,028,211,154	-
Cộng	8,344,770,432	-

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4,436,126,731	-
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	1,231,083,947	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,070,110,571	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,913,446,933	-
Chi phí khác	2,765,484,436	-
Cộng	12,416,252,618	-

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý đồ dùng dụng cụ	22,727,273	-
Các khoản thu nhập khác	921	-
Cộng	22,728,194	-

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi thanh lý đồ dùng dụng cụ	14,516,287	-
Các khoản chi phí khác	8,100,000	-
Cộng	22,616,287	-

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19,584,530,251	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	52,100,000	-
Các khoản chi phí không được trừ	52,100,000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(13,368,471,206)	-
Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	(13,257,986,317)	-
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá hối đoái	(110,484,889)	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6,268,159,045	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất	1,378,994,991	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(25,710,229)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,353,284,762	-

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61,214,964,683	-
Chi phí nhân công	37,121,852,352	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,440,164,787	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41,801,953,127	-
Chi phí khác bằng tiền	14,837,915,102	-
Cộng	162,416,850,051	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Khấu hao tài sản cố định

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình (thuyết minh IV.11)	4,522,661,152	-
Khấu hao tài sản cố định vô hình (thuyết minh IV.12)	286,349,599	-
Khấu hao bất động sản đầu tư (thuyết minh IV.14)	2,631,154,036	-
Cộng	7,440,164,787	-

2. Các khoản dự phòng

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(575,594,317)	-
Cộng	(575,594,317)	-

		Năm nay	Năm trước
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
	Lãi do đánh giá lại số dư vốn bằng tiền	(5,557,245)	-
	Lãi do đánh giá lại số dư nợ phải thu	(104,927,644)	-
	Lỗ do đánh giá lại số dư nợ vay	105,491,641	-
	Lỗ do đánh giá lại số dư nợ phải trả thương mại	29,617,317	-
	Cộng	24,624,069	-
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			
	Lãi tiền gửi, cho vay	(2,758,617,942)	-
	Cổ tức và lợi nhuận được chia	(12,682,392,000)	-
	Cộng	(15,441,009,942)	-
5. Tiền lãi vay đã trả			
	Nợ lãi vay đầu năm	(12,566,667)	-
	Lãi vay phát sinh trong năm	(288,475,302)	-
	Nợ lãi vay cuối năm	18,384,265	-
	Cộng	(282,657,704)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
	Thu quỹ khen thưởng phúc lợi	10,360,000	-
	Thu lãi tiền gửi tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua cổ phần	23,391,479	-
	Cộng	33,751,479	-
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			
	Chi quỹ khen thưởng phúc lợi	(5,859,065,312)	-
	Chi nộp tiền vốn Nhà nước còn lại vào Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định khi chuyển sang công ty cổ phần	(52,603,984,490)	-
	Cộng	(58,463,049,802)	-
8. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
	Ứng vốn cho Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	(5,000,000,000)	-
	Ứng vốn cho Công ty CP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	(2,000,000,000)	-
	Chi gửi tiền tiết kiệm trên 3 tháng	(1,100,000,000)	-
	Cộng	(8,100,000,000)	-
9. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
	Thu tiền ứng vốn của Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	18,000,000,000	-
	Cộng	18,000,000,000	-

10. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định (*)	(2,870,966,666)	-
Góp vốn điều lệ Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	(1,350,000,000)	-
Cộng	(4,220,966,666)	-

(*) Trong năm Tổng Công ty góp vốn vào Công ty này tổng số tiền 15.000.000.000 đồng, trong đó: góp bằng tiền là 2.870.966.666 đồng, chuyển các khoản nợ về ứng vốn và lãi ứng vốn thành vốn góp số tiền 12.129.033.334 đồng.

11. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	2,430,302,231	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	11,019,211,200	-
Cộng	13,449,513,431	-

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	Cổ đông lớn sở hữu 86,83% vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Cổ đông sở hữu 10% vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty, bà Đồng Thị Ánh đại diện là thành viên Hội đồng quản trị
Các công ty con	Công ty con
Các công ty liên kết	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan / Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình cáp Quy Nhơn (công ty con)		
Lợi nhuận được chia	5,500,000,000	-
Thu tiền lợi nhuận được chia	4,000,000,000	-
Cho thuê văn phòng	158,400,000	-
Thu tiền cho thuê văn phòng	158,400,000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định (công ty liên kết)		
Góp vốn cổ phần bằng tiền và nợ phải thu	15,000,000,000	-
Ứng vốn	2,000,000,000	-
Lãi ứng vốn	311,666,667	-

Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn (công ty liên kết)

Lợi nhuận được chia	2,632,500,000	-
Lợi nhuận đã nhận	3,375,000,000	-
Góp vốn điều lệ	1,350,000,000	-
Mua hàng	11,669,645,901	-
Trả tiền mua hàng	11,669,645,901	-
Ứng vốn	5,000,000,000	-
Thu hồi tiền ứng vốn	18,000,000,000	-
Thu lãi ứng vốn	311,833,335	-

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico (công ty liên kết)

Bán hàng	842,918,180	-
Thu tiền bán hàng	842,918,180	-
Cổ tức được nhận	3,301,100,000	-
Cổ tức đã nhận	3,001,000,000	-

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An (công ty liên kết)

Bán hàng	9,540,417,018	-
Thu tiền bán hàng	9,540,417,018	-
Cổ tức được nhận	825,792,000	-
Cổ tức đã nhận	220,211,200	-

Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh (công ty liên kết)

Bán hàng	39,510,800	-
Thu tiền bán hàng	39,510,800	-
Phải thu tiền cho thuê hạ tầng và dịch vụ đi kèm năm 2014	796,813,079	-
Thu tiền cho thuê hạ tầng và dịch vụ đi kèm năm 2013 và 2014	1,046,909,274	-
Cổ tức được nhận	420,000,000	-
Cổ tức đã nhận	420,000,000	-

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tiền lương, tiền thù lao và tiền thưởng theo quy chế

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Tổng Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công nợ phải thu khác (thuyết minh IV.5)		
Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình Cấp Quy Nhơn (lợi nhuận được chia)	1,500,000,000	-
Công ty CP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định (ứng vốn)	2,000,000,000	-
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn (lợi nhuận được chia)	427,500,000	-
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico (cổ tức)	2,100,700,000	-
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An (cổ tức)	825,792,000	-
Cộng	6,853,992,000	

2. Cam kết dài hạn đang thực hiện

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có ký các hợp đồng cho các khách hàng thuê dài hạn cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn và Cụm Công nghiệp Canh Vinh với tổng giá trị các hợp đồng cho thuê khoảng 74.000.000.000 đồng.

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, khoản phải thu thương mại phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh, chứng khoán chưa niêm yết, các khoản ứng vốn (cho vay), các khoản phải thu khác, các khoản vay, các khoản phải trả thương mại và các khoản nợ phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và thu lợi nhuận.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Tổng Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản cho vay và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản ứng vốn, các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Tổng Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Tổng Công ty) và các khoản vay của Tổng Công ty có gốc ngoại tệ.

Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng cách xem xét tỷ giá ngoại hối cho từng thời điểm và tình hình biến động tỷ giá trên thị trường hiện tại và dự kiến khi Tổng Công ty mua bán hàng hóa và dịch vụ có gốc ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Tổng Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận tài chính của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Tổng Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay, ứng vốn

Tổng Công ty có cho các bên liên quan ứng vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản ứng vốn này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ở mức mà Tổng Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Tổng Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Từ dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số cuối năm			
Các khoản vay và nợ	29,685,332,095	-	29,685,332,095
Phải trả người bán	13,319,850,024	-	13,319,850,024
Chi phí phải trả	814,389,210	-	814,389,210
Các khoản phải trả khác	4,450,412,586	-	4,450,412,586
	<u>48,269,983,915</u>	<u>-</u>	<u>48,269,983,915</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Tổng Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty:

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền gửi ngắn hạn	21,600,000	-	-	-	21,600,000	-
Tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn	6,923,830	-	-	-	6,923,830	-
Phải thu khách hàng	24,842,550	(263,084)	-	-	24,579,467	-
Phải thu khác	13,208,764	-	-	-	13,208,764	-
Tài sản tài chính dài hạn	11,685,120	-	-	-	11,685,120	-
Cộng	78,260,265	(263,084)	-	-	77,997,181	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay và nợ	29,685,332,095	-	29,685,332,095	-
Phải trả người bán	13,319,850,024	-	13,319,850,024	-
Chi phí phải trả	814,389,210	-	814,389,210	-
Các khoản phải trả khác	4,450,412,586	-	4,450,412,586	-
Cộng	48,269,983,915	-	48,269,983,915	-

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

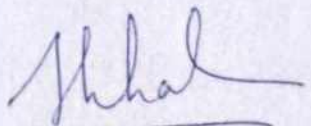
Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng, cho vay (ứng vốn) có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Tổng Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, khả năng trả nợ của từng khách hàng cũng như tính chất rủi ro của dự án tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tổng Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính. Trên cơ sở xem xét rủi ro về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị phát hành chứng khoán và nhận vốn đầu tư, Tổng Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.

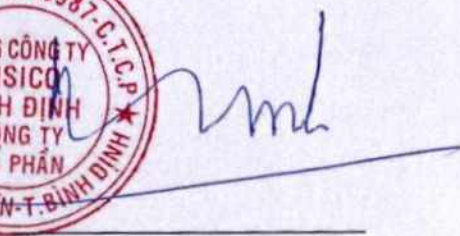
Bình Định, ngày 09 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Hoàng Hải
Người lập



Thái Minh Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Bình
Tổng Giám đốc